

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

TRẦN NHẬT THIÊN

2002

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.....	6
I. THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC.....	8
1. Cấu trúc và hoạt động của tổ chức.....	8
2.. Bản chất của kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh	9
3. Thông tin kế toán cần cho những người sử dụng khác nhau.....	10
4. Thông tin của kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh	10
II. VAI TRÒ CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.....	11
III. PHÂN BIỆT KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	12
1. Những điểm giống nhau giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính	14
2.. Những điểm khác nhau giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính.....	15
IV. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIỆP VỤ CƠ SỞ DÙNG TRONG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	18
1. Thiết kế thông tin thành dạng so sánh được	18
2. Phân loại chi phí.....	18
3. Trình bày mối quan hệ giữa các thông tin kế toán dưới dạng	18
phương trình.....	18
4. Trình bày thông tin dưới dạng đồ thị.....	18
CHƯƠNG II: CHI PHÍ VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ	19
A. KHÁI QUÁT VỀ CHI PHÍ	19
B. PHÂN LOẠI CHI PHÍ.....	19
I. PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG	19
1. Chi phí sản xuất.....	19
2. Chi phí ngoài sản xuất	22
3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ hạch toán lợi tức	23
II. PHÂN LOẠI CHI PHÍ SỬ DỤNG TRONG KIỂM TRA VÀ RA QUYẾT ĐỊNH	26
1. Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.....	26
2. Chi phí chênh lệch (differential costs)	26
3. Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được.....	27
4. Chi phí chìm (Sunk costs).....	27
III. PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO CÁCH ỨNG XỬ CỦA CHI PHÍ.....	28
2. Chi phí bất biến (Fixed costs)	31
3. Chi phí hỗn hợp (Mixed costs).....	34
IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	40
1. Báo cáo kết quả kinh doanh theo Kế toán tài chính.	40
2. Báo cáo kết quả kinh doanh theo kế toán quản trị.....	41
CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ - KHỐI LƯỢNG - LỢI NHUẬN.....	43
I. Ý NGHĨA	43
II. NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA QUAN HỆ CHI PHÍ - KHỐI LƯỢNG - LỢI NHUẬN	43

1. Số dư đảm phí (Contribution Margin)	43
2. Tỷ lệ số dư đảm phí	44
3. Kết cấu chi phí	45
4. Đòn bẩy kinh doanh (Operating Leverage)	48
II. MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA QUAN HỆ CHI PHÍ - KHỐI LƯỢNG - LỢI NHUẬN (CVP)	49
1. Chi phí bất biến , sản lượng thay đổi.....	50
2. Chi phí khả biến và sản lượng thay đổi.....	50
3. Chi phí bất biến, giá bán và sản lượng thay đổi	50
4. Chi phí bất biến, Chi phí khả biến và sản lượng thay đổi	51
5. Chi phí bất biến, Chi phí khả biến, giá bán và sản lượng thay đổi.....	51
6. Quyết định trong trường hợp đặc biệt	52
III. PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN.....	52
1. Xác định điểm hòa vốn.....	52
2. Đồ thị điểm hòa vốn	54
3. Phân tích lợi nhuận thuần	55
4. Số dư an toàn (Margin of safety).....	56
5. Phân tích kết cấu hàng bán và hòa vốn	57
CHƯƠNG IV: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH	59
I. KHÁI NIỆM VÀ MỤC ĐÍCH CỦA DỰ TOÁN NGÂN SÁCH.....	59
1. Khái niệm Dự toán ngân sách	59
2. Mục đích của Dự toán ngân sách	59
II. TRÌNH TỰ LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH.....	59
III. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH.....	60
1. Dự toán tiêu thụ sản phẩm	61
2. Dự toán sản xuất	62
3. Dự toán tồn kho thành phẩm	62
4. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	62
5. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp	63
6. Dự toán chi phí sản xuất chung	63
7. Dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	63
8. Dự toán tiền mặt	64
9. Dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	64
10. Bảng cân đối kế toán dự toán.....	64
IV. VÍ DỤ MINH HỌA.....	65
CHƯƠNG V: PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ	73
I. ĐỊNH MỨC CHI PHÍ	73
II. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	75
1. Phương pháp thay thế liên hoàn	75
2. Phương pháp số chênh lệch	77
III. PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ	78
1. Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung khả biến.....	78
2. Phân tích sự biến động các khoản chi phí	78
IV. PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CỦA CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG.....	83

1. Kế hoạch linh hoạt	83
2. Phân tích chi phí sản xuất chung	84
3. Chi phí bất biến và kế hoạch linh hoạt	86
CHƯƠNG VI: ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM.....	89
I. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG CHỦ YẾU ĐẾN CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ GIÁ	89
1. Một số lý thuyết kinh tế căn bản trong quá trình định giá sản phẩm	89
2. Vai trò của chi phí trong các quyết định về giá	90
II. ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM SẢN XUẤT HÀNG LOẠT.....	91
1. Phương pháp định giá toàn bộ	91
2. Phương pháp định giá trực tiếp.....	92
3. Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư.....	93
4. xác định tỷ lệ số tiền tăng thêm.....	95
III. ĐỊNH GIÁ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT.....	97
IV. ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ	99
V. ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM MỚI.....	101
1. Thực nghiệm tiếp thị sản phẩm mới.....	101
2. Các chiến lược định giá	101
VI. ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM CHUYỂN GIAO	102
1. Các phương pháp định giá chuyển giao	102
2. Nguyên tắc định giá sản phẩm chuyển giao	103
CHƯƠNG VII: THÔNG TIN THÍCH HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH.....	105
I. NHẬN DIỆN THÔNG TIN THÍCH HỢP	105
1. Khái quát về quyết định kinh doanh ngắn hạn	105
2. Phân tích thông tin thích hợp	106
3. Chi phí chìm (lặn, ẩn) là thông tin không thích hợp	106
4. Chi phí không chênh lệch là thông tin không thích hợp	108
II. ỨNG DỤNG THÔNG TIN THÍCH HỢP TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH	109
1. Quyết định loại bỏ hay tiếp tục kinh doanh.....	109
2. Quyết định nên làm hay nên mua	110
3. Quyết định nên bán hay tiếp tục sản xuất.	112
4. Quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất giới hạn.	113

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, môi trường, thể chế, chính sách và luật pháp của nhà nước ta ngày càng thông thoáng. Nền kinh tế Việt Nam kể từ sau khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, đã có những bước tiến đáng kể, đời sống người dân không ngừng được nâng cao, thu nhập quốc dân, kim ngạch xuất khẩu không ngừng gia tăng với tốc độ lớn, tất cả các thành phần kinh tế đều phát triển vững mạnh, đồng thời đã khơi dậy mọi nguồn lực cho công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hóa đất nước.

Để có được những kết quả trên, phải có sự đóng góp quan trọng về vai trò quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của bản thân từng doanh nghiệp. Trong đó, kế toán quản trị là một phân hệ của kế toán, nhằm cung cấp thông tin chủ yếu cho các nhà quản trị nội bộ ở một tổ chức, sự ra đời của kế toán quản trị nhằm giải quyết những nhu cầu thông tin kinh tế tài chính trong tình hình mới mà kế toán tài chính không thể đảm trách, nó đã trở thành công cụ để quản lý vốn tài sản và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, là công cụ quan trọng trong việc tổ chức, phối hợp, tiên liệu ra quyết định và kiểm soát mọi hoạt động trong doanh nghiệp.

Vì vậy, Kế toán quản trị được mô tả như là một môn học về khoa học quản trị, là một môn học thành phần trong tổ hợp kiến thức đào tạo về quản trị kinh doanh, có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản trị, điều hành các tổ chức, doanh nghiệp.

Tập đề cương bài giảng này được biên soạn nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh một tài liệu phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu. Vì khả năng và thời gian còn hạn chế, cũng như kế toán quản trị là một lĩnh vực còn rất mới mẻ, do đó chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến để tập đề cương bài giảng này được hoàn thiện hơn.

**NGƯỜI BIÊN SOẠN
TRẦN NHẬT THIỆN**

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Xuất phát điểm của kế toán quản trị là kế toán chi phí, cho nên có thể nói kế toán ở các nước có nền kinh tế thị trường được hình thành và phát triển qua các giai đoạn sau:

Trước năm 1960:

Trong giai đoạn này kế toán chỉ có một lĩnh vực duy nhất là kế toán tài chính, tập trung vào việc ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nhằm lập nên các báo cáo tài chính cho một tổ chức. Báo cáo kế toán giống như một bức tranh sặc sỡ phản ánh các kết quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình trạng tài chính của doanh nghiệp.

Từ năm 1960 đến 1980:

Khi nền sản xuất xã hội đã bắt đầu phát triển cao, cạnh tranh trong kinh doanh ngày trở nên gay gắt, các nhà quản trị doanh nghiệp lúc này rất quan tâm và rất cần các thông tin cho quá trình ra quyết định liên quan đến doanh nghiệp. Bởi vì, để đạt được lợi nhuận tối đa, doanh nghiệp cần phải cố gắng tăng doanh thu hoặc giảm thiểu tối đa chi phí. Tuy nhiên việc tăng doanh thu lại phụ thuộc vào các nhân tố khách quan như cung cầu trên thị trường, tình hình cạnh tranh, tình hình giá cả,... cho nên các nhà quản trị doanh nghiệp thường tập trung cho biện pháp thứ hai là hạ thấp chi phí vì điều này phụ thuộc vào nhân tố chủ quan nhiều hơn.

Việc đòi hỏi các thông tin về chi phí đã thúc đẩy kế toán chi phí ra đời (tiền thân của kế toán quản trị) như một chuyên ngành riêng biệt với kế toán tài chính.

Từ sau năm 1980 đến nay:

Do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ sản xuất cũng như công nghệ thông tin mà nhu cầu sử dụng thông tin của các nhà quản trị doanh nghiệp cũng trở nên phong phú và đa dạng, nhất là các thông tin về tài chính để giúp cho họ ra quyết định kinh doanh đúng lúc và hợp lý. Trong bối cảnh đó kế toán quản trị hình thành và phát triển, trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống cung cấp thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định kinh doanh. Một trong những nhiệm vụ đặc trưng nhất của kế toán quản trị là kiểm soát chi phí, do đó người ta nói kế toán chi phí là giai đoạn đầu của sự phát triển kế toán quản trị.

Như vậy kế toán quản trị ra đời và phát triển trước hết ở những nước có nền kinh tế thị trường. Về tên gọi, nội dung và phạm vi của kế toán quản trị ở các nước khác nhau, ở mỗi thời kỳ khác nhau thì cũng không giống nhau. Chẳng hạn ở Mỹ

và các nước áp dụng chuẩn mực và thông lệ kế toán quốc tế, trong giai đoạn đầu, kế toán quản trị là kế toán chi phí hay kế toán ra quyết định kinh doanh. Còn Pháp và các nước áp dụng chế độ kế toán pháp gọi kế toán quản trị là kế toán phân tích, đôi khi còn gọi là phân tích kinh doanh. Thế còn ở Việt nam thì sao?

Tên gọi và nội dung của kế toán quản trị ở Việt nam còn khá mới mẻ. Tuy nhiên có thể nói hệ thống kế toán Việt nam hiện nay là hệ thống hỗn hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị và biểu hiện ở một số điểm sau:

- Các phương pháp hạch toán chi phí để tính giá thành sản phẩm phục vụ cho việc kiểm soát và quản lý chi phí là nội dung của kế toán quản trị.

- Các phương pháp phân bổ chi phí và tính giá trị hàng tồn kho cũng là những biểu hiện đặc điểm của kế toán quản trị.

- Kế toán chi tiết là một phần của kế toán quản trị, kế toán quản trị sử dụng kế toán chi tiết để thiết kế thành các báo cáo kế toán đặc thù cung cấp cho nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định kinh doanh.

- Chế độ hướng dẫn trong hệ thống chế độ kế toán Việt nam là thể hiện thông tin định hướng cho kế toán quản trị.

- Các bảng báo cáo kế toán cũng như các bảng giải trình kết quả hoạt động kinh doanh vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của kế toán quản trị...

Chức năng cơ bản của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế tài chính về một tổ chức cho nhà quản lý ở các cấp độ khác nhau. Vai trò của kế toán thể hiện ở tính hữu dụng của thông tin mà kế toán cung cấp. Kế toán quản trị là một chuyên ngành kế toán còn khá mới mẻ, đặc biệt đối với Việt nam. Trước khi đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề mang tính chất nghiệp vụ kỹ thuật của Kế toán quản trị, trong chương này, sẽ giới thiệu một cách tổng quát về kế toán quản trị để làm nền tảng chung nghiên cứu các nghiệp vụ kỹ thuật kế toán quản trị đó là:

- Tổ chức, cấu trúc hoạt động của một tổ chức ứng dụng kế toán quản trị .

- Bản chất của kế toán và những hình thức thay đổi của kế toán trong môi trường

kinh doanh.

- Vai trò của kế toán quản trị và chức năng quản lý

- Sự khác biệt giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

I. THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC

1. Cấu trúc và hoạt động của tổ chức

a. Khái niệm tổ chức:

Tổ chức là bao gồm một tập hợp người liên kết với nhau để cùng thực hiện một mục tiêu nhất định hay nhiều mục tiêu chung nào đó.

b. Các loại hình tổ chức

Các mục tiêu của tổ chức đề ra để thực hiện trong một thời kỳ chính là mục đích của tổ chức. Không phải tất cả các tổ chức đều cùng chung một mục đích mà mục đích của các tổ chức có thể giống nhau hoặc khác nhau. Vì vậy, căn cứ vào mục tiêu đạt được, tổ chức được chia thành ba nhóm:

❖ Các tổ chức doanh nghiệp:

Là những tổ chức nhằm mục tiêu chính là kinh doanh có lãi, tìm kiếm lợi nhuận trên cơ sở của đồng vốn bỏ ra, như: Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty liên doanh, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài... lấy thu nhập bù chi phí và bảo đảm lợi nhuận.

❖ Tổ chức đoàn thể (tổ chức không kinh doanh)

Là những tổ chức không có mục tiêu kinh doanh, mà được hình thành với mục tiêu chính là thực hiện các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện hoặc sinh hoạt giữa những người có cùng sở thích, ngành nghề ...

Dạng tổ chức này thường tồn tại dưới các hình thức câu lạc bộ, hội, chi hội, đoàn thể... (tổ chức phi lợi nhuận)

❖ Tổ chức nhà nước:

Là những tổ chức có mục tiêu là phục vụ cộng đồng, hoạt động vì sự an ninh an toàn và phát triển của xã hội. Tổ chức nhà nước này thường thuộc sở hữu nhà nước và do các nhân viên nhà nước điều hành. Ví dụ như các bộ, sở, các ban ngành...

Mỗi nhóm tổ chức bao gồm nhiều loại tổ chức khác nhau nhưng nhìn chung sẽ có cùng những đặc điểm như sau:

- Có một hoặc nhiều mục tiêu hoạt động
- Có chiến lược và các điều kiện cần, đủ đạt được những mục tiêu đó.

- Có một hoặc nhiều nhà quản trị để điều hành hoạt động của tổ chức.
- Có cấu trúc liên kết giữa các bộ phận và phạm vi trách nhiệm trong nội bộ của tổ chức.
- Có nhu cầu lớn về thông tin.

Các tổ chức dù thuộc nhóm nào cũng đều cần thông tin kế toán để tồn tại và phát triển. Tổ chức doanh nghiệp cần thông tin kế toán để xác định hiệu quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, tổ chức không kinh doanh cần thông tin kế toán để xác định mức độ phục vụ của mình, tổ chức nhà nước cần thông tin kế toán để đánh giá mức độ cung cấp các dịch vụ về an ninh và phục vụ xã hội.

Mặc dù thông tin kế toán mà chúng ta sẽ nghiên cứu được sử dụng trong tất cả các loại hình tổ chức, nhưng ở đây chúng ta chỉ tập trung vào các loại hình tổ chức có mục đích lợi nhuận và cung cấp sản phẩm, không cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Tóm lại, thông tin kế toán là yếu tố có vai trò quan trọng đối với hoạt động của một tổ chức, có ảnh hưởng quyết định đến mức độ đạt được của các mục tiêu đề ra.

2.. Bản chất của kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế - tài chính về một tổ chức (ở đây chỉ chú trọng nghiên cứu tổ chức doanh nghiệp là tổ chức hoạt động vì mục đích lợi nhuận). Vai trò của kế toán được thể hiện ở tính hữu ích của thông tin, sự phát triển của chuyên ngành kế toán gắn liền với những phương pháp thu thập và biến đổi số lượng và kết cấu thông tin được cung cấp.

❖ **Về phương diện khoa học**, kế toán là khoa học về bản chất các sự kiện trong hoạt động kinh doanh. Mục đích của nó là vạch rõ nội dung và mối liên hệ giữa các phạm trù pháp lý và kinh tế.

Trong quá trình tái sản xuất xã hội luôn luôn diễn ra quan hệ pháp lý giữa nhà nước với các tổ chức, giữa các tổ chức với nhau, giữa tổ chức với công nhân viên... Các mối quan hệ này được thực hiện theo các điều khoản ghi trong luật pháp của nhà nước như luật công ty, luật thương mại, các chính sách giá cả... mục đích của kế toán là cung cấp những thông tin cần thiết cho việc giải quyết các quan hệ pháp lý.

❖ **Về phương diện thực hành**: nếu luật pháp và kinh tế là nội dung của kế toán thì toán học, logic học và sự phát triển mạnh mẽ của tin học trong thời đại ngày nay sẽ cung cấp cho nó những phương pháp nhờ đó mà quá trình hoạt động được nhận thức. Kế toán thực hiện theo dõi các hoạt động bằng cách trực tiếp từ các chứng từ thông qua một chu kỳ kế toán gồm:

- Phân tích nghiệp vụ kinh tế phát sinh: đây là bước then chốt trong công tác kế toán. Nó xác định phương thức thích hợp nhất để ghi chép mỗi nghiệp vụ và ghi nhận tác động của nó lên phương trình kế toán.

- Ghi sổ kế toán các số liệu của nghiệp vụ kinh tế được thực hiện bằng cách định hình các thông tin trên sổ sách kế toán hoặc máy tính điện tử.

- Phân loại các số liệu theo các mô hình thông tin đã được hoạch định cũng như hệ thống tài khoản kế toán chi tiết phục vụ cho kế toán quản trị.

- Tổng hợp nghiệp vụ thuần túy thực hành và mục đích của nó là kiểm tra đối chiếu lẫn nhau để thiết lập các báo cáo kế toán.

- Phân tích các thông tin kế toán. Toàn bộ các giai đoạn đầu của nó là chuẩn bị các thông tin cho bước này.

- Truyền đạt thông tin: thông tin kế toán không những cần thiết cho người ra quyết định quản lý ở bên trong doanh nghiệp mà còn cần cho cả người bên ngoài doanh nghiệp như: những người đầu tư, cho vay, ngân hàng, cơ quan thuế, cơ quan quản lý cấp trên, ban quản trị công ty...

Kế toán là khoa học về bản chất và cấu tạo bản chất các sự kiện trong hoạt động kinh doanh, vạch rõ nội dung và mối liên hệ giữa các phạm trù pháp lý và kế toán qua đó sự kiện này được nhận thức.

3. Thông tin kế toán cần cho những người sử dụng khác nhau

- Các nhà quản trị doanh nghiệp cần thông tin kế toán để xác định mục tiêu cho doanh nghiệp của họ để ra quyết định thực thi, đánh giá quá trình thực hiện mục tiêu và điều chỉnh nhằm đem lại một hiệu quả cao hơn.

- Chủ sở hữu: là những người có quyền sở hữu đối với doanh nghiệp, họ quan tâm đến lợi nhuận sinh ra từ vốn kinh doanh, từ đó làm căn cứ để đề ra phương án phân chia. Mặt khác qua thông tin của kế toán sẽ đánh giá về năng lực quản lý của người quản lý.

- Các nhà cho vay - cung cấp hàng hóa dịch vụ: Ngân hàng, các tổ chức tài chính, cũng như các tổ chức cung cấp hàng hóa dịch vụ trước khi có quyết định cho vay hoặc cung cấp thì cần phải biết được thông tin tài chính của doanh nghiệp, khả năng trả nợ, từ đó làm cơ sở cho quyết định.

- Các nhà đầu tư: là những người cung cấp vốn cho tổ chức hoạt động với hy vọng thu lợi nhuận. Do đó, họ đều mong muốn đầu tư vào những doanh nghiệp có tỷ lệ hoàn vốn cao. Thì ở đây cũng vậy, trước khi đi đến quyết định đầu tư, cần phải có các thông tin của kế toán.

4. Thông tin của kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Kế toán bằng phương pháp riêng của mình sẽ phản ánh đầy đủ, chính xác, thực sự hoạt động của các đối tượng kế toán theo đúng nguyên tắc của kế toán. Sau